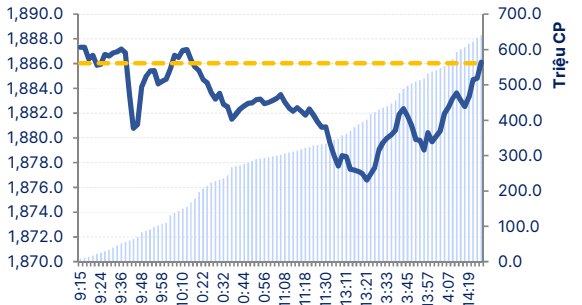


Phiên giao dịch ngày: 26/5/2026

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,884.18	278.15
% Thay đổi Index	↓ -0.10%	↑ 2.34%
KLGD (CP)	730,524,226	84,483,387
GTGD (tỷ đồng)	19,764.14	1,443.24
% Thay đổi GTGD	4.12%	46.65%

DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Diễn biến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi với thanh khoản ở mức cạn kiệt, thị trường đã có diễn biến với độ rộng tích cực hơn trong phiên hôm nay. VNINDEX trong phiên chịu áp lực điều chỉnh dưới ảnh hưởng của nhóm Vin Group. Trong khi VN30 có diễn biến tích cực hơn với 20 mã tăng giá, nổi bật ở mã ngân hàng, chứng khoán và phục hồi của nhóm năng lượng. Kết phiên VNINDEX giảm nhẹ 1,85 điểm (-0,10%) về mức 1.884,18 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.900 điểm. VN30 tăng 6,18 điểm (+0,31%) lên mức 2.027,90 điểm, trên hỗ trợ tâm lý 2.000 điểm.

Độ rộng trên HOSE nghiêng về tích cực với 199 mã tăng giá. Phục hồi tăng điểm khá tích cực ở các mã bất động sản vốn hóa trung bình, ngân hàng, chứng khoán, phục hồi ở các mã năng lượng, cao su, phân bón... sau áp lực bán mạnh khá đột biến. Phân hóa, chịu áp lực điều chỉnh ở nhóm viễn thông, tiêu dùng, Vin Group, Gelex, hóa chất... với 116 mã giảm giá và 49 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường tăng, khối lượng giao dịch tăng 20,9% so với phiên trước. Thanh khoản gia tăng khá đột biến ở một số nhóm chứng khoán, ngân hàng, bất động sản sau giai đoạn tích lũy kéo dài với một số cơ hội sinh lợi ngắn hạn khá tốt. Khối ngoại vẫn bán ròng trong phiên hôm nay với giá trị -897,7 tỉ đồng trên HOSE.

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

MSB -528.24 tỷ	HPG -150.08 tỷ	PDR 64.73 tỷ	DXG 43.56 tỷ
	VIC -129.55 tỷ	BSR -58.49 tỷ	MBB 42.02 tỷ
		ACB 49.32 tỷ	FPT 35.99 tỷ
	VHM -120.98 tỷ	SSI 47.45 tỷ	STB -33.53 tỷ
		VCB 44.85 tỷ	GMD
			SHB

GT Bán: -2496.22 1598.52 : GT Mua

Biến động nhóm ngành



Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G6000 kết phiên ở mức 2.033,0 điểm, tăng 0,52% so với phiên trước. Chênh lệch dương mở rộng lên 5,12 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411G7000, 411G9000, 411GC000 chênh lệch từ 2,10 điểm đến 3,30 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm nhẹ -2,3% so với phiên trước. Các vị thế giao dịch đầu cơ giảm trong phiên. Các trader lạc quan hơn về xu hướng ngắn hạn của VN30 sau giai đoạn điều chỉnh. Xu hướng ngắn hạn 411G6000 tích lũy trong biên độ hẹp trên hỗ trợ 2.000 điểm, kháng cự quanh 2.050 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G6000 là 33.498, tăng các vị thế nắm giữ.

Ngắn hạn VNINDEX đang tích lũy trong biên độ khá hẹp dưới kháng cự quanh 1900 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 20 phiên hiện nay, kháng cự quanh 1.850 điểm. Xu hướng ngắn hạn chỉ cải thiện tốt khi vượt lên kháng cự 1.900 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 20 phiên hiện nay. Trong khi VN30 khá tương tự với vùng kháng cự quanh 2.050 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 10/2025.

Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



Sau giai đoạn VNINDEX tăng giá mạnh dưới ảnh hưởng của nhóm Vin Group trong khi hầu hết các nhóm ngành khác đều tích lũy trong biên độ hẹp từ cuối tháng 3/2026 đến nay. Hiện tại nhóm ngân hàng đang cải thiện xu hướng ngắn hạn và có thể được kỳ vọng là động lực hỗ trợ thị trường chung tích cực hơn.

Nhóm ngân hàng hiện có tổng vốn hóa khoảng 110 tỷ USD, chiếm 26,1% vốn hóa toàn thị trường, với các mức định giá cơ bản như P/E 9,52, P/B 1,47 được xem là tương đối hợp lý. Chúng tôi nhận thấy dòng tiền và xu hướng ngắn hạn đang cải thiện trở lại ở nhóm này. Nhà đầu tư có thể xem xét chọn lọc các cơ hội đầu tư, tích lũy trở lại đối với các cổ phiếu ngân hàng.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỠI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
FOX	81.68	83.0	94-95	79.7	17.0	12.6%	15.9%	Theo dõi GD	84	62
PHR	68.10	68.0	72-74	65.5	13.9	50.4%	192.2%	Theo dõi GD	91	74
PAN	33.50	32.0	36-37	31.0	6.1	-8.6%	443.5%	Theo dõi GD	69	73
MSB	14.65	14.0	14.5-15.5	13.5	7.8	32.0%	19.6%	Theo dõi GD	73	73
VPB	27.60	27.2	30-31	26.0	8.3	41.2%	59.2%	Theo dõi GD	79	61

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng	Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn		Tang Truong	Điều Chỉnh	Tang Truong	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy
Ngắn trung hạn		Điều Chỉnh	Suy Giảm	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Phục Hồi	Suy Giảm
Dòng tiền trung hạn		Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		-84.7	147.8	34.2	-156.4	-149.1	-107.0	342.4	93.9
Tương quan-VNINDEX		Yếu hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		VIC	MVN	PHR	TCI	VGI	POW	TET	PHR
		VHM	DVP	BRR	PSI	FOX	PVP	NTT	GVR
Xu Hướng	Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng-VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón-Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn		Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Tích Luy	Tang Truong	Suy Giảm	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn		Tích Luy	Am_Giam	Am_Giam	Am_Giam	Tích Luy	Money_in	Am_Giam	Am_Tang
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		-54.5	315.3	117.5	309.8	316.5	-279.6	234.6	311.6
Tương quan-VNINDEX		Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		PRE	PET	TVN	VHC	NTP	LPB	DHB	VJC
		BVH	PSD	POM	SEA	BMP	STB	SFG	AST
Xu Hướng	Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn		Tang Truong	Tích Luy	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	43
Ngắn trung hạn		Điều Chỉnh	Suy Giảm	Tích Luy	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong	Suy Giảm	17
Dòng tiền trung hạn		Duong_Tang	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	4
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		25.6	300.8	311.3	-42.8	29.4	-241.0	332.5	9
Tương quan-VNINDEX		Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	65	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	
Cổ phiếu TOP		GEX	NAF	DBT					
		GSM	PAN	OPC					

TIN NỔI BẬT

Kim ngạch xuất nhập khẩu đến 15/5 đạt gần 400 tỷ USD, tăng 25%

Theo số liệu công bố ngày 20/5 của Cục Hải quan, nửa đầu tháng 5/2026 (1/5 - 15/5), kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 47,7 tỷ USD, bao gồm 21 tỷ USD giá trị xuất khẩu, tăng 23% so với cùng kỳ 2025 và 26,7 tỷ USD về nhập khẩu, tăng 38,6% YoY. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/5, xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 394 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 190 tỷ USD, tăng 20,4% YoY; nhập khẩu đạt 204 tỷ USD, tăng 31% YoY; nhập siêu 14 tỷ USD.

Từ đầu năm đến ngày 15/5, Việt Nam có 4 mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị từ 10 tỷ USD trở lên. Bao gồm, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 48,8 tỷ USD, tăng 46,5% YoY; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với 23,5 tỷ USD, tăng 22,5% YoY. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất, tăng tới 56,8% so với cùng kỳ, lên 77,6 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác cũng tăng 22,6% YoY, lên 24,6 tỷ USD.

Hiệp hội Thép thế giới vừa công bố danh sách các quốc gia sản xuất thép thô lớn nhất và Việt Nam lần đầu tiên lọt TOP 10 quốc gia sản xuất thép thô lớn nhất thế giới.

Việt Nam vào TOP 10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới

Tháng 4/2026, Worldsteel ước tính sản lượng thép thô (phôi thép) của Việt Nam đạt 2,1 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Với sản lượng này, Việt Nam đã vượt qua Italia để vào TOP 10 nước có nền công nghiệp thép lớn nhất. Lũy kế 4 tháng đầu năm, Việt Nam sản xuất 8,5 triệu tấn thép thô, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2025. Năm 2025, Việt Nam ghi nhận sản lượng thép thô 24,6 triệu tấn, lớn nhất Đông Nam Á, TOP 11 thế giới. Riêng Tập đoàn Hòa Phát sản lượng là 11 triệu tấn, tương đương 44,7% cả nước. Năm 2026, sản lượng thép thô của Hòa Phát dự kiến đạt trên 14 triệu tấn, tăng 30% so với năm 2025. Với sản lượng này, vị thế TOP 10 quốc gia sản xuất thép hàng đầu thế giới của Việt Nam sẽ được giữ vững.

Theo Bộ Công Thương, đầu tháng 5/2026, thị trường sản Đông Nam Á rơi vào trạng thái thiếu hụt nguồn cung, đẩy giá sản lên mức cao nhất nhiều năm. Tại Tây Ninh, giá sản tươi hiện dao động 3.600-3.850 đồng/kg, trong khi giá tinh bột sản xuất khẩu ở mức 525-545 đô la/tấn.

Khoai mì vào cuộc đua mới cùng xăng sinh học E10

Cơ quan này cho biết nhu cầu từ Trung Quốc tiếp tục là yếu tố chính kéo giá đi lên. Trong bối cảnh giá ngô và lúa mì thế giới neo cao, sản đang được sử dụng nhiều hơn để sản xuất ethanol nhiên liệu. Theo tài liệu của Bộ Công Thương, từ ngày 1-6-2026, Việt Nam sẽ triển khai đồng loạt xăng E10 trên phạm vi toàn quốc. Để đáp ứng nhu cầu phối trộn, thị trường cần khoảng 92.000-100.000 m³ ethanol mỗi tháng, trong khi năng lực sản xuất trong nước mới đạt khoảng 25.000 m³/tháng. Điều này đồng nghĩa nhu cầu ethanol sẽ tăng trong thời gian tới, kéo theo nhu cầu nguyên liệu sản tăng tương ứng.

Tồn kho dầu thô toàn cầu được dự báo sẽ giảm xuống dưới mức tương đương 100 ngày nhu cầu ngay trong tháng này, trong bối cảnh tình trạng phong tỏa eo biển Hormuz kéo dài và lượng dự trữ tích lũy tiếp tục bị rút cạn.

Goldman Sachs: Tồn kho dầu toàn cầu sắp giảm xuống dưới ngưỡng 100 ngày tiêu thụ

Lượng "tồn kho hữu hình", theo dõi qua dữ liệu vệ tinh, dự kiến chỉ còn tương đương 73 ngày nhu cầu vào cuối tháng 5. Cộng thêm khoảng 25 ngày "tồn kho vô hình" - chủ yếu từ các quốc gia ngoài OECD - tổng tồn kho đạt khoảng 98 ngày. Con số này đang tiến sát ngưỡng 90 ngày tồn kho và nhập khẩu mà Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) yêu cầu đối với các quốc gia thành viên. Kể từ ngày 11/03, IEA đã phối hợp xả kho dự trữ nhằm giảm áp lực giá dầu. Giá dầu WTI từng vượt 119 USD/thùng vào ngày 09/03, trước khi hạ nhiệt về quanh 90 USD/thùng, nhờ kỳ vọng eo biển Hormuz sẽ được mở lại.

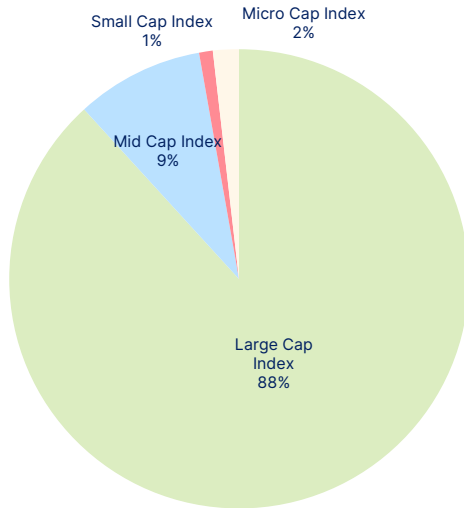
Tại ĐHQĐ thường niên 2026, POW đưa ra kế hoạch kinh doanh khá thận trọng. Cụ thể, sản lượng 2026 ước tính 21,6 tỷ kWh, tăng 16% so với năm trước. Tổng doanh thu mục tiêu gần 50 ngàn tỷ đồng, tăng 41%; nhưng lãi trước và sau thuế lần lượt chỉ gần 1,33 ngàn tỷ đồng và hơn 1,12 ngàn tỷ đồng, giảm 59% và 33% so với thực hiện 2025.

ĐHQĐ POW: Lãi trước thuế 5 tháng ước vượt kế hoạch năm

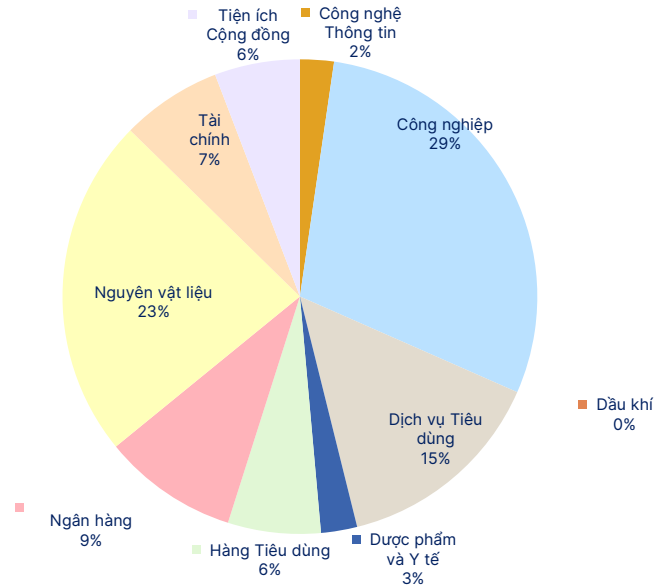
Ban lãnh đạo POW cho biết kế hoạch được xây dựng trong bối cảnh phải đánh giá kỹ các yếu tố ảnh hưởng, các diễn biến bất thường và khó dự báo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy kết quả kinh doanh đang khá tích cực. Theo đó, Doanh nghiệp cho biết ước kết quả 5 tháng đầu năm đạt sản lượng 10,5 tỷ kWh, tương đương 49% kế hoạch năm; doanh thu gần 24 ngàn tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm; và lãi trước thuế tới 1,8 ngàn tỷ đồng, vượt 36% kế hoạch năm

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,686,080	7.4%	1,468	149.1	11.2
VHM	651,846	17.8%	10,200	15.6	2.6
VCB	532,257	16.1%	4,301	14.8	2.3
BID	313,043	17.8%	4,393	9.8	1.6
CTG	270,290	21.7%	4,906	7.1	1.4

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	67,637,229	14.1%	1,884	7.7	1.0
ACB	58,864,960	17.5%	3,167	7.4	1.2
SHB	48,675,867	18.1%	2,605	5.3	0.9
PDR	38,011,145	4.4%	531	29.9	1.3
VND	28,424,817	10.6%	1,435	12.3	1.2

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	↑ 7.0%	10.3%	2,412	20.1	2.0
VVS	↑ 7.0%	63.9%	14,919	7.2	3.6
PDR	↑ 6.9%	4.4%	531	29.9	1.3
VAB	↑ 6.9%	14.4%	1,758	5.8	0.8
TNC	↑ 6.9%	14.3%	2,558	11.3	1.6

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNT	↓ -6.8%	2.2%	268	41.0	0.9
HRC	↓ -6.7%	5.7%	1,162	44.8	2.5
TPC	↓ -6.5%	2.8%	426	23.6	0.9
C32	↓ -5.3%	4.7%	875	15.2	0.7
VRC	↓ -5.0%	0.0%	12	1,052.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PDR	3,848,497	4.4%	531	29.9	1.3
DXG	2,867,504	1.3%	230	64.2	0.8
ACB	2,018,011	17.5%	3,167	7.4	1.2
SSI	1,703,416	13.8%	2,153	12.8	1.7
MBB	1,666,824	20.1%	3,442	7.2	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	(36,038,700)	14.1%	1,884	7.7	1.0
HPG	(6,219,412)	12.6%	2,013	12.0	1.4
SHB	(2,076,200)	18.1%	2,605	5.3	0.9
BSR	(2,043,054)	9.0%	1,041	27.1	2.3
VIB	(1,134,479)	16.4%	2,231	7.1	1.1

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tân Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Vĩ Mô

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy

Duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn